



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

01 (81) 2023

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2023

Năm thứ mười sáu

Mục lục

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực hành mô hình “Dân vận khéo” ở Việt Nam hiện nay <i>Trịnh Thị Phương Oanh</i>	3
Tác động của phong cách lãnh đạo đến sự căng thẳng công việc của người lao động tại các doanh nghiệp cung ứng Việt Nam <i>Trương Đức Thao, Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Thị Thu Thảo, Phạm Văn Minh</i>	11
Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Đào Nhật Minh, Lê Văn Tân, Phạm Thị Lai, Trần Xuân Quân</i>	19
Nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn loại hình du lịch kết hợp chăm sóc sức khoẻ của khách nội địa khi đi du lịch đến thành phố Nha Trang <i>Lê Chí Công, Phan Huyền Xuân Thảo, Nguyễn Trà Minh Thư, Nguyễn Trần Diệu Trinh, Nguyễn Thảo Trang, Phạm Thị Hồng Hạnh</i>	31
Tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân tỉnh Quảng Ngãi <i>Nguyễn Thị Thanh Xuyên, Hoàng Hồng Hiệp</i>	41
Kinh nghiệm quốc tế trong giải quyết các tranh chấp trên biển theo Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982 và một số gợi mở đối với Việt Nam <i>Võ Công Khôi, Trần Đình Chín</i>	54
Nét đẹp phong tục ba ngày Tết Cả của người Việt trong thơ ca trung đại Việt Nam <i>Tran Thi Kim Thu</i>	63

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2023

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiều tháng 02/2023

Contents

Ho Chi Minh's ideology on developing "Skilled Mass Mobilization" model in Vietnam today <i>Trinh Thi Phuong Oanh</i>	3
The impact of leadership style on workers' stress in Vietnamese supply enterprises <i>Truong Duc Thao, Nguyen Thi Thuy, Nguyen Thi Thu Thao, Pham Van Minh</i>	11
Determinants of adopting cloud accounting software in small and medium enterprises in Vietnam <i>Dao Nhat Minh, Le Van Tan, Pham Thi Lai, Tran Xuan Quan</i>	19
Determinants of domestic tourists' choice of medical tourism to Nha Trang <i>Le Chi Cong, Phan Huyen Xuan Thao, Nguyen Tra Minh Thu, Nguyen Tran Dieu Trinh, Nguyen Thao Trang, Pham Thi Hong Hanh</i>	31
Impacts of Dung Quat Oil Refinery on social security, culture, and lifestyle of local people in Quang Ngai province <i>Nguyen Thi Thanh Xuyen, Hoang Hong Hiep</i>	41
The international experience in the sea dispute settlement under the 1982 UNCLOS and some implications to Vietnam <i>Vo Cong Khoi, Tran Dinh Chin</i>	54
The cultural beauty of three-day of Tết in Vietnamese medieval poetry <i>Tran Thi Kim Thu</i>	63

Kinh nghiệm quốc tế trong giải quyết các tranh chấp trên biển theo Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982 và một số gợi mở đối với Việt Nam

Võ Công Khôi

Học viện Chính trị khu vực III

Trần Đình Chính

Học viện Hành chính quốc gia

Email liên hệ: vocongkhoi.nnpl@gmail.com

Tóm tắt: Tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên một số vùng biển đảo của thế giới và khu vực đang có chiều hướng gia tăng căng thẳng, xuất phát từ quan điểm bất đồng về chủ quyền biển đảo. Giải quyết tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình theo Công ước Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) đã trở thành phương thức đầy đủ và toàn diện nhất trong số các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế về biển hiện nay. Bài viết nêu ra các dạng cơ bản của tranh chấp trên biển và trình bày khái quát một số vụ việc tranh chấp trên biển giữa các quốc gia ở các khu vực khác nhau trên thế giới. Qua đó, làm sáng tỏ cơ chế giải quyết tranh chấp trên biển theo UNCLOS, và rút ra các gợi mở cần thiết cho Việt Nam trong bối cảnh tranh chấp trên Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường.

Từ khóa: tranh chấp trên biển, Công ước Luật biển, Việt Nam.

The international experience in the sea dispute settlement under the 1982 UNCLOS and some implications to Vietnam

Abstract: Dispute over territorial sovereignty, sovereignty rights, jurisdiction over lands and seas has been increasingly complex and tense. The sea dispute settlement by peaceful means under the 1982 UNCLOS has become the most comprehensive method of the current sea dispute settlement mechanisms. The paper presents the theoretical basis for identifying crucial forms of sea dispute and cases of maritime dispute between countries in different regions in the world. Therefore, the article clarifies sea dispute settlement mechanisms under UNCLOS and makes necessary suggestions for Vietnam in the context of dispute in the East Sea with hidden threats.

Keywords: sea dispute, UNCLOS, Vietnam.

Ngày nhận bài: 10/1/2023

Ngày duyệt đăng: 10/2/2023

1. Đặt vấn đề

Giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực là nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và được thể hiện đậm nét trong Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS). Cho đến nay, các tranh chấp trên biển giữa các quốc gia chủ yếu được giải quyết bằng biện pháp hòa bình thông qua: (i) đàm phán hòa bình (song phương hoặc đa phương) trên cơ sở luật pháp quốc

tế, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau nhằm đi tới một giải pháp công bằng cho tất cả các bên; (ii) trung gian, hòa giải hoặc bằng các cơ chế tài phán quốc tế như Tòa án Công lý quốc tế, Tòa án quốc tế về Luật biển và các Tòa Trọng tài khác. UNCLOS cho phép các bên có quyền lựa chọn một trong bốn cơ chế, bao gồm: Tòa án Công lý quốc tế, Tòa án quốc tế về Luật biển, và Tòa Trọng tài theo Phụ lục VII và Tòa Trọng tài theo Phụ lục VIII. Nếu các bên không lựa chọn một trong số bốn cơ chế nêu trên thì Tòa Trọng tài theo Phụ lục VII là cơ chế bắt buộc được sử dụng để giải quyết tranh chấp.

Biển Đông là một trong những khu vực đang có các tranh chấp biển, đảo khá phức tạp; tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, diễn biến khó lường, đe dọa an ninh, hòa bình, ổn định và phát triển của các quốc gia trong khu vực. Cho đến nay, các quốc gia đang tranh chấp trên Biển Đông vẫn còn những cách giải thích, áp dụng và vận dụng UNCLOS khác nhau theo hướng có lợi cho quốc gia mình. Thậm chí, một vài quốc gia xem nhẹ các chuẩn mực, nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế trong giải quyết tranh chấp trên biển, tiến hành các biện pháp có tính chất áp đặt đơn phương, hoặc gia tăng sức mạnh quân sự, quốc phòng. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu thực tiễn giải quyết tranh chấp trên biển ở một số khu vực khác trên thế giới là cần thiết nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong giải quyết tranh chấp chủ quyền đối với các đảo và phân định biên hiện nay.

2. Khái quát về các dạng tranh chấp trên biển

Thứ nhất, tranh chấp về các vùng biển chồng lấn (overlapping maritime areas).

Đây là một dạng tranh chấp khá phổ biến trong thực tiễn quan hệ quốc tế giữa các quốc gia có vùng biển chồng lấn. Dạng tranh chấp này thường xảy ra với các quốc gia có biển liền kề hoặc đối diện nhau, hình thành khi các quốc gia này xác định các vùng biển của mình trên cơ sở các quy định của UNCLOS. Trên thế giới, các tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán về vùng biển chồng lấn chiếm số lượng khá lớn và thường được các quốc gia quan tâm giải quyết (United Nations. Division for Ocean Affairs, & the Law of the Sea, 2000). Đáng chú ý, bản thân các vùng biển không tự nó tạo ra các vùng chồng lấn dẫn đến tranh chấp. Việc chồng lấn này trước hết do bản thân các hành vi đơn phương của các quốc gia trong việc tuyên bố chủ quyền hoặc tự xác định ranh giới các vùng biển của mình, mà không quan tâm đến các quốc gia khác. Trong trường hợp này, chiều rộng của vùng biển không đủ lớn để mỗi bên có thể mở rộng tối đa, từ đó hình thành nên các vùng chồng lấn. Bên cạnh đó, việc giải thích và vận dụng các quy định của UNCLOS vào thực tiễn xác định các vùng biển cũng là một nguyên nhân gây ra sự chồng lấn.

Thứ hai, tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS 1982.

Đây là loại tranh chấp thường phát sinh trong thực tiễn vận dụng các quy định của pháp luật quốc tế giữa các quốc gia. Các quy định thường thống nhất, nhưng trong thực tế, có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến việc các quốc gia không hiểu thống nhất, thậm chí hiểu sai về luật quốc tế. Các nguyên nhân có thể thấy là: (i) Sự khác nhau về quan điểm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia xuất phát từ sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và các điều kiện xã hội khác nhau dẫn đến sự hiểu biết pháp luật giữa các quốc gia không giống nhau; (ii) sự khác biệt về hệ thống pháp luật và trình độ pháp lý của các quốc gia cũng ảnh hưởng đến khả năng hiểu và vận dụng luật quốc tế; (iii) bản thân nhiều quy định của UNCLOS vẫn còn mập mờ, chưa rõ nghĩa cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự hiểu và vận dụng không thống nhất; (iv) cũng có nhiều trường hợp các quốc gia cố ý hiểu sai và vận dụng

pháp luật theo hướng có lợi cho họ. Tất cả các trường hợp này đều có nguy cơ dẫn đến các bất đồng trong quan hệ quốc tế, và là xuất phát điểm của những tranh chấp quốc tế.

Trên thực tế, các tranh chấp về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, việc giải thích và áp dụng các quy định của UNCLOS có thể liên quan đến các chủ đề như việc xác định đường cơ sở, việc xác định tình trạng pháp lý đối với các thực thể địa lý và thực tiễn áp dụng quyền đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài trong lãnh hải của quốc gia ven biển.

Thứ ba, tranh chấp về chủ quyền đối với các vùng lãnh thổ.

Trên thế giới, các quốc gia có những yêu sách về chủ quyền mâu thuẫn nhau (conflicting sovereignty claims) đối với các đảo, đảo đá và các thực thể địa lý khác. Cho đến nay, tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ là loại tranh chấp phức tạp bởi các quốc gia chủ yếu dựa vào các yếu tố lịch sử, mà điển hình là vấn đề “phát hiện, chiếm hữu và sử dụng” các vùng lãnh thổ. Tuy nhiên trong thực tiễn, do nhiều biến cố của lịch sử dẫn đến việc “chiếm hữu và sử dụng” các đảo, quần đảo và các thực thể địa lý trên biển có nhiều biến động và thay đổi qua từng thời kỳ khác nhau. Trong luật quốc tế, việc xác lập chủ quyền của quốc gia đối với một vùng lãnh thổ có thể được thực hiện thông qua nhiều cách thức khác nhau mà “chiếm cứ hữu hiệu” là một hình thức được thừa nhận (Agarwa, 2019). Hình thức này thực chất là việc chiếm hữu những vùng lãnh thổ vô chủ không có người ở và trước đó không thuộc về chủ quyền của bất kỳ một quốc gia nào. Hình thức này đòi hỏi phải đáp ứng những điều kiện nhất định theo tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế, chẳng hạn là sự chiếm hữu thực tế và thiết lập kiểm soát hành chính hiệu quả đối với lãnh thổ (tức là phải có ý định và ý chí hành động với tư cách chủ quyền và thực hiện một số hoạt động thực tế để thể hiện quyền lực đó), hoặc là việc chiếm hữu phải nhân danh quốc gia, một cách liên tục và hòa bình trong một thời gian dài.

3. Tranh chấp chủ quyền đối với đảo và phân định biển giữa El Salvador và Honduras

3.1. Khái quát nội dung vụ việc

Vụ tranh chấp chủ quyền đối với đảo và phân định biển giữa El Salvador và Honduras do Tòa án Công lý quốc tế của Liên hợp quốc (ICJ) thụ lý và xét xử từ năm 1986 đến năm 1992 được xem là án lệ điển hình về giải quyết tranh chấp biển đảo (International Court of Justice, 1992). Vụ việc bắt đầu bằng tranh chấp chủ quyền trên các đảo trong khu vực vịnh Fonseca diễn ra vào năm 1854. Đến năm 1969, “sự cố” ở các khu vực biên giới đất liền làm cho quan hệ giữa hai quốc gia trở nên căng thẳng, trở thành tranh chấp vũ trang. Ngày 30/10/1980 hai quốc gia đã ký kết Hiệp ước chung về hòa bình, trong đó các bên xác định các phần đường biên giới trên đất liền giữa hai quốc gia đã thỏa thuận được. Ngoài ra, Hiệp ước còn quy định thành lập một Ủy ban biên giới chung có chức năng xác định tình trạng pháp lý của các đảo và không gian biển vịnh Fonseca. Hiệp định quy định nếu trong vòng 5 năm tình trạng trên không được giải quyết, các bên đưa vụ việc ra ICJ để phân xử.

Ngày 11/12/1986, Bộ trưởng Ngoại giao của Honduras và El Salvador yêu cầu ICJ phân xử về tranh chấp biển đảo: (i) Xác định chế độ pháp lý (legal situation) của các đảo ở vịnh Fonseca; (ii) Xác định chế độ pháp lý (legal situation) của không gian biển bên trong và bên ngoài vịnh Fonseca. Trên cơ sở đó, ngày 13/12/1989, ICJ ra quyết định thành lập tòa gồm 5 thẩm phán để giải quyết.

3.2. Kết quả giải quyết

3.2.1. Xác định chủ quyền đối với các đảo

Tòa xác định chỉ đưa ra phán quyết đối với những đảo mà hai bên tranh chấp yêu cầu, bao gồm: El Tigre, Meanguera và Meanguerita; đồng thời bác bỏ tuyên bố của Honduras rằng không có tranh chấp thực sự trên đảo El Tigre (Evans & Shaw, 1993). Trong vụ việc này, tòa

vận dụng kết hợp một cách linh hoạt hai nguyên tắc: *uti possidetis juris*⁽¹⁾ và *chiếm hữu thực sự* (effective occupation principle). Tòa cho rằng các đảo tranh chấp không phải là lãnh thổ vô chủ (terra nullius) vì vậy không thể áp dụng nguyên tắc chiếm hữu (acquisition). Chủ quyền đối với các đảo thuộc về một trong các nước thuộc vùng vịnh Fonseca, sau khi đã giành được độc lập từ Tây Ban Nha. Tuy nhiên, các bằng chứng lịch sử không thể hiện rõ việc phân định chủ quyền các đảo. Do đó, hành vi thực thi chủ quyền một cách hữu hiệu của các quốc gia (effective) được xem như bằng chứng củng cố danh nghĩa kế thừa từ quốc gia thực dân.

Thứ nhất, về chủ quyền đối với đảo El Tigre.

Tòa ghi nhận rằng Honduras vẫn chiếm giữ hòn đảo từ năm 1849, hành vi của các bên tham gia trong những năm sau sự tan rã của Cộng hòa liên bang Trung Mỹ là phù hợp với nhận định rằng El Tigre thuộc về Honduras. Nguyên tắc *uti possidetis juris* gắn liền với sự hình thành của khu vực Trung Mỹ, tòa cho rằng Honduras được hưởng hòn đảo thừa kế từ Tây Ban Nha mà không mâu thuẫn với bất kỳ quyền sở hữu thuộc địa được biết đến.

Thứ hai, về chủ quyền đối với đảo Meanguera và Meanguerita.

Cả Honduras và El Salvador xác định hai hòn đảo này tạo thành một thực thể thống nhất, bởi vì Meanguerita là một hòn đảo nhỏ, không có nước ngọt, không có người ở và tiếp giáp với hòn đảo lớn là Meanguera. Vì thế, tòa xác định Meanguerita là “lãnh thổ phụ thuộc” của Meanguera.

Các minh chứng về việc thực thi chủ quyền của El Salvador đối với Meanguera được viện dẫn. Đặc biệt, El Salvador đã giới thiệu một nhân chứng là một người dân của hòn đảo xác nhận rằng đảo Meanguera không thuộc Honduras và El Salvador đã thực hiện quyền lực nhà nước đối với Meanguera từ lâu. Trên cơ sở đó, El Salvador đã được tòa trao chủ quyền đối với Meanguera, do đó cũng có được chủ quyền đối với Meanguerita nhờ vào việc đã thực thi chủ quyền tốt hơn Honduras sau thời điểm giành được độc lập.

3.2.2. Xác định chế độ pháp lý của không gian biển bên trong và bên ngoài vịnh Fonseca

Thứ nhất, về khái niệm vịnh lịch sử, danh nghĩa lịch sử.

Mặc dù đã được ghi nhận tại Điều 10 và Điều 15 - UNCLOS 1982, cho đến nay, chưa có văn bản pháp lý quốc tế nào đưa ra định nghĩa toàn diện và thống nhất đối với các khái niệm này. Trong vụ việc này, tòa đã xác định tình trạng pháp lý của vịnh Fonseca là một vịnh lịch sử với các đặc tính của một vùng biển khép kín vì liên quan đến lịch sử hình thành, quản lý, sử dụng của các quốc gia đối với vịnh.

Thứ hai, về quy chế pháp lý của vùng biển bên trong vịnh Fonseca.

Tòa đã đưa ra lập luận về chủ quyền chung đối với vùng nước bên trong vịnh, quản lý cộng đồng, quyền đi qua không gây hại của tàu thuyền từ bên ngoài đến một trong các quốc gia trong vịnh và ngược lại. Nói cách khác, tình trạng pháp lý chủ yếu của vùng biển này giống như vùng nội thủy.

Thứ ba, về quy chế pháp lý của vùng biển ngoài vịnh Fonseca.

Tòa cũng đã xác định đường đóng cửa vịnh tạo thành đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế (của El Salvador và Nicaragua); lãnh hải, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế mở rộng ra hướng biển trên cơ sở pháp luật quốc tế hiện đại. Phần trung tâm của đường đóng cửa vịnh thuộc về các quốc gia vùng vịnh (El Salvador, Honduras và Nicaragua) và bất kỳ phân định các vùng biển có liên quan phải được thực hiện theo thỏa thuận trên cơ sở của luật pháp quốc tế.

Hình 1. Bản đồ vịnh Fonseca

Nguồn: truy xuất từ <http://www.icj-cij.org/files/case-related/75/075-19920911-JUD-01-00-EN.pdf>

4. Tranh chấp về phân định biển giữa Peru và Chile

4.1. Khái quát nội dung vụ việc

Ngày 16/01/2008, Cộng hòa Peru nộp tại Cơ quan thư ký của Tòa án Công lý Quốc tế của Liên Hợp quốc (tên viết tắt là ICJ) một đơn kiện nhằm chống lại Cộng hòa Chile liên quan đến việc phân định biển giữa hai nước (International Court of Justice, 2014). Trong đơn, Peru yêu cầu Tòa phân định nội dung chính:

Thứ nhất, phân định đường biên giới giữa hai nước ở khu vực biển thuộc Thái Bình Dương, đường phân định sẽ bắt đầu từ một điểm trên đường bờ biển gọi là Concordia (đây là điểm cuối của biên giới đất liền được thiết lập theo Hiệp ước Lima do các Bên đã ký vào ngày 03/6/1929).

Thứ hai, công nhận yêu cầu của Peru về một khu vực biển nằm trong giới hạn 200 hải lý tính từ bờ biển của Peru cho rằng thuộc về Peru, nhưng Chile cho rằng khu vực này thuộc về hải phận quốc tế.

Sau khi nhận được Đơn khởi kiện của Peru, căn cứ vào các Khoản 2 và 3 - Điều 40 Quy chế của Tòa (Statute of the Court), Thư ký của Tòa đã thông báo các nội dung của Đơn yêu cầu đến Chile và các quốc gia liên quan trong khu vực. Các quốc gia và Tổ chức các nước châu Mỹ đã phản hồi với Tòa rằng, họ không có yêu cầu về can dự hay tham gia với vai trò quan sát viên trong quá trình Tòa giải quyết. Chile phản hồi chấp nhận thẩm quyền của Tòa giải quyết tranh chấp theo yêu cầu của Peru.

4.2. Kết quả giải quyết

Trên cơ sở các lập luận được đa số thành viên của Tòa thông qua, ngày 27/01/2014, Tòa đã ra phán quyết cuối cùng để giải quyết vụ việc:

Thứ nhất, điểm xuất phát của đường biên giới biển duy nhất phân chia ranh giới các khu vực biển liên quan giữa nước Cộng hòa Peru và Cộng hòa Chile là giao điểm của Mốc biên giới số 1 với mức nước thủy triều thấp. Nội dung này có 15 phiếu thuận và 01 phiếu chống.

Thứ hai, phân khúc ban đầu của biên giới biển duy nhất đi theo vĩ tuyến đi qua mốc biên giới số 1 về phía Tây. Nội dung này có 15 phiếu thuận và 01 phiếu chống.

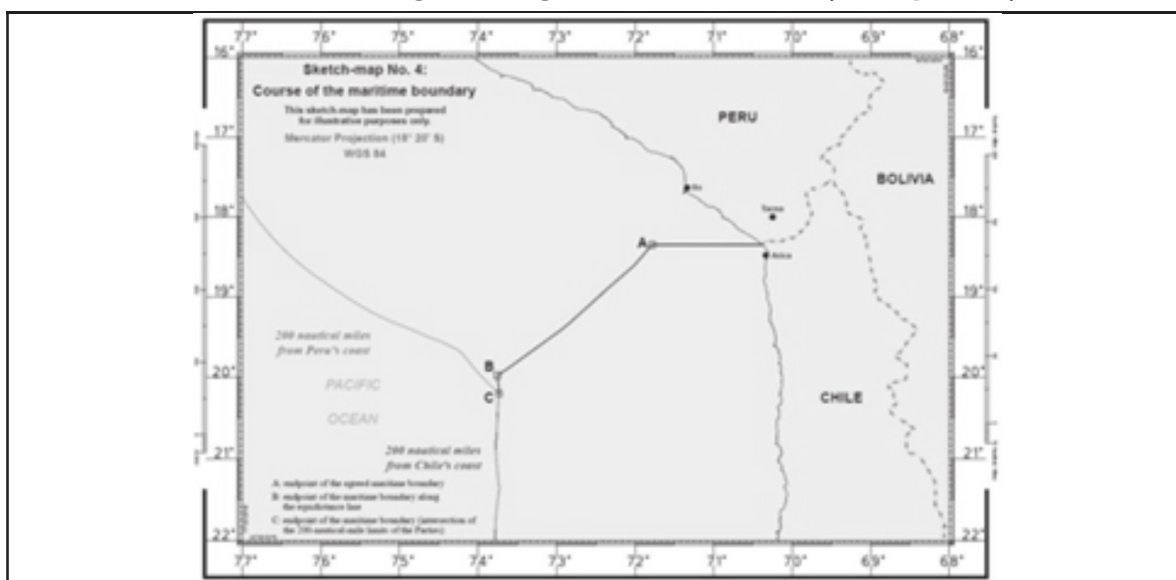
Thứ ba, phân khúc ban đầu này chạy lên đến một điểm (điểm A) nằm ở khoảng cách 80 hải lý tính từ điểm xuất phát của biên giới biển duy nhất. Nội dung này có 10 phiếu thuận và 06 phiếu chống.

Thứ tư, từ điểm A, biên giới biển duy nhất sẽ tiếp tục chạy theo hướng Tây Nam dọc theo đường cách đều của các bờ biển của nước Cộng hòa Peru và Cộng hòa Chile được đo từ điểm A, cho đến khi giao nhau (tại điểm B) với đường giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của nước Cộng hòa Chile. Từ điểm B, biên giới biển duy nhất sẽ tiếp tục chạy về phía Nam dọc theo giới hạn đó cho đến khi nó đạt đến điểm giao nhau (điểm C) của các giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của nước Cộng hòa Peru và Cộng hòa Chile. Nội dung này có 10 phiếu thuận và 06 phiếu chống.

Thứ năm, Tòa không cần phải ra phán quyết giải quyết đệ trình thứ hai của nước Cộng hòa Peru. Nội dung này có 15 phiếu thuận và 01 phiếu chống.

Ngày 19/8/2014, Tổng thống Peru ông Ollanta Humala đã chính thức ký hiệp định chấm dứt cuộc tranh chấp lãnh thổ trên biển với nước láng giềng Chile, hiệp định này dựa trên phán quyết của Tòa án công lý quốc tế. Theo Bộ trưởng Ngoại giao Peru ông Gonzalo Gutierrez, với hiệp định mới sẽ không còn sự nhập nhằng về đường biên giới giữa 2 quốc gia Nam Mỹ. Tổng thống Peru cho rằng, Peru và Chile là một hình mẫu cho cộng đồng quốc tế về việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia láng giềng theo luật pháp quốc tế.

Hình 2. Bản đồ biên giới biển giữa Peru và Chile được toà phân định



Nguồn: truy xuất từ <https://www.icj-cij.org/cases>

5. Philippines khởi kiện Trung Quốc

5.1. Khái quát nội dung

Ngày 22/01/2013, Philippines đã đệ đơn kiện về việc Trung Quốc đã giải thích và áp dụng sai Điều 279, Điều 283, Điều 284 của UNCLOS 1982 ra Trọng tài Thường trực The Haye (PCA) (Phạm Vũ Thắng, 2013). Trong Thông báo và tuyên bố khởi kiện, Philippines yêu cầu

Trọng tài ra phán quyết về 15 điểm, tập trung vào 3 nhóm nội dung chính: (i) yêu sách đường chín đoạn Trung Quốc đưa ra dựa trên “quyền lịch sử” không phù hợp với UNCLOS 1982; (ii) Philippines yêu cầu PCA xác định một số thực thể địa lý, mà cả Philippines lẫn Trung Quốc yêu sách, là đảo, đá, bãi cạn lúc nổi lúc chìm hay bãi ngầm nằm hoàn toàn dưới mực nước biển, trên cơ sở đó để xác định hiệu lực pháp lý của các thực thể này đến đâu (có hay không có lãnh hải 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý); (iii) Philippines yêu cầu PCA tuyên bố Trung Quốc đã vi phạm UNCLOS 1982 khi cản trở Philippines thực thi các quyền chủ quyền, quyền tài phán và quyền tự do của Philippines, cũng như việc Trung Quốc gây tổn hại môi trường biển trong các hoạt động bồi lấp xây dựng đảo, đánh bắt cá mà nước này tiến hành.

5.2. Kết quả giải quyết

Ngày 29/10/2015, PCA ra thông cáo báo chí về vụ kiện giữa Cộng hòa Philippines với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; trong đó đã khẳng định rằng PCA có thẩm quyền thụ lý, xét xử vụ kiện này theo đúng quy định của UNCLOS 1982 và rằng, cả Trung Quốc và Philippines đều là thành viên ràng buộc của UNCLOS có trách nhiệm và nghĩa vụ tuân thủ mọi điều khoản của UNCLOS. Việc Trung Quốc từ chối tham gia vụ kiện không làm mất đi thẩm quyền ra phán quyết của PCA. PCA đã bác bỏ lập luận của Trung Quốc rằng Philippines chủ yếu khởi kiện các nội dung liên quan đến chủ quyền lãnh thổ và phân định biên giới biển giữa hai nước, do đó nó vượt qua thẩm quyền của PCA. Ngược lại PCA khẳng định, bản chất vụ kiện của Philippines phản ánh tranh chấp giữa hai quốc gia liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS 1982. Đồng thời, PCA cũng đã bác bỏ lập luận của Trung Quốc cho rằng Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) ký giữa Trung Quốc với ASEAN năm 2002 là thỏa thuận để giải quyết tranh chấp Biển Đông thông qua thương lượng. PCA phán quyết rằng DOC chỉ là một thỏa thuận chính trị mà không ràng buộc pháp lý, do đó không liên quan đến các quy định trong UNCLOS về việc ưu tiên giải quyết tranh chấp thông qua bất kỳ phương tiện nào mà hai bên đồng ý.

Theo Thông cáo báo chí của PCA, chiều 12/7/2016, Phán quyết của PCA đã chính thức được công bố. Nội dung của Phán quyết đã đề cập đầy đủ 7 nội dung mà PCA đã lựa chọn thuộc thẩm quyền xét xử của mình trong số 15 điểm của đơn khởi kiện. Nội dung Phán quyết của PCA tập trung phán xét về việc giải thích và áp dụng sai các quy định của UNCLOS 1982, không liên quan gì đến tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và tranh chấp về việc phân định các vùng chồng lấn; cụ thể là:

- (i) Bác bỏ quyền lịch sử đối với tài nguyên trong đường 9 đoạn;
- (ii) Khẳng định các cấu trúc (thực thể địa lý) thuộc Trường Sa không có hiệu lực để có vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý;
- (iii) Các hoạt động của Trung Quốc ngăn cản Philippines thực hiện các quyền của mình trong vùng đặc quyền kinh tế, kể cả vùng biên xung quanh bãi cạn Scarborough là vi phạm UNCLOS 1982;
- (iv) Các hoạt động khai thác, xây đảo nhân tạo của Trung Quốc đã gây hại cho môi trường biển;
- (v) Tất cả hoạt động đó của Trung Quốc đã làm trầm trọng thêm tranh chấp.

Tuy nhiên, Trung Quốc đã ra tuyên bố không chấp nhận Phán quyết và đang triển khai mạnh mẽ các hoạt động cả trên phương diện ngoại giao lẫn ngoài thực địa để tìm cách vô hiệu hóa Phán quyết của PCA. Vì vậy, mặc dù Phán quyết đã được công bố và là một phán

quyết chung thẩm, bắt buộc các bên liên quan phải chấp hành; nhưng khả năng thi hành sẽ còn là một vấn đề khá khó khăn, phức tạp do các cơ quan tài phán chưa có cơ chế thi hành án, đặc biệt là phán quyết của PCA.

6. Một số gợi mở đối với Việt Nam

Thứ nhất, tranh chấp chủ quyền về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam vẫn chưa được giải quyết, có chiều hướng ngày càng phức tạp, cũng như việc phân định đường ranh giới, biên giới trên biển với một số quốc gia trên Biển Đông; trong đó có khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc, trong Vịnh Thái Lan với Campuchia, với Thái Lan và Malaysia tại khu vực biển chồng lấn giữa 3 quốc gia, là những khu vực có điều kiện địa lý tương đồng với khu vực vịnh Fonseca. Hiện tại, không có một cơ quan tài phán nào giải quyết các vấn đề của cộng đồng quốc tế trong một tổng thể và được các quốc gia sử dụng một cách chung nhất trong việc bảo vệ những giá trị của luật quốc tế như ICJ. Vì vậy, việc nghiên cứu cách thức ICJ xác định chủ quyền đối với đảo, tình trạng pháp lý vùng biển bên trong và bên ngoài vùng vịnh lịch sử có ý nghĩa thực tiễn trong tương lai khi giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp pháp lý, đặc biệt là sử dụng ICJ hoặc các thiết chế tài phán khác như Tòa án Quốc tế về Luật biển (ITLOS), tòa trọng tài thường trực (PCA), các tòa trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII và Phụ lục VIII của UNCLOS 1982 phân xử.

Thứ hai, nguồn luật điều chỉnh tranh chấp giữa các quốc gia mà ICJ và PCA có thể sử dụng bao gồm:

- (i) Các điều ước quốc tế chung hoặc riêng, đã quy định về những nguyên tắc được các bên đang tranh chấp thừa nhận;
- (ii) Các tập quán quốc tế như những chứng cứ thực tiễn chung, được thừa nhận như những quy phạm pháp luật;
- (iii) Nguyên tắc chung được các quốc gia văn minh thừa nhận;
- (iv) Các án lệ và các học thuyết của các chuyên gia có chuyên môn cao nhất về luật quốc tế của các quốc gia khác nhau được coi là phương tiện để xác định các quy phạm pháp luật.

Trong các tranh chấp nêu trên, ICJ và PCA đã viện dẫn các điều ước quốc tế mà các Bên đã ký kết trước đó và các án lệ mà các định chế quốc tế này đã từng phân xử để hỗ trợ cho lập luận của mình. Việt Nam cần chú trọng mặt trận pháp lý này để chủ động tham gia ký kết hoặc phê chuẩn các công ước quốc tế về tự do hàng hải, ủng hộ hoặc tham gia các cuộc tiếp xúc đàm phán song phương hoặc đa phương tùy theo số lượng các chủ thể có liên quan đến tranh chấp cụ thể, đặc biệt đẩy mạnh việc hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á sớm thông qua bộ quy tắc ứng xử biển Đông (COC) thực chất và hiệu lực.

Thứ ba, các thiết chế tài phán quốc tế ICJ và PCA đã vận dụng linh hoạt và sáng tạo các yếu tố thực thi chủ quyền hữu hiệu từ nguyên tắc *chiếm hữu thực sự* (effective occupation principle) để hỗ trợ cho nguyên tắc *uti possidetis juris*. Trong tranh chấp chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam có thể rút kinh nghiệm từ cách thức mà các quốc gia chứng minh sự quản lý hữu hiệu và hòa bình của mình. Song song với điều đó, cần chú ý quan tâm đến các dạng chứng cứ chứng minh cho sự thực thi chủ quyền một cách hữu hiệu. Đặc điểm chung của những bằng chứng này là: (i) Được ban hành nhân danh quyền lực nhà nước (ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước; có dấu, mộc, chữ ký,... hay các dấu hiệu tương đương thể hiện quyền lực nhà nước; ban hành theo quy trình nhà nước) để chứng minh “yếu tố quyền lực nhà nước”; (ii) Các tài liệu đệ trình tòa hầu hết là các bản sao của tài liệu gốc; (iii)

Nội dung đều thể hiện sự quản lý toàn diện: từ việc ban hành văn bản quản lý, thực thi pháp luật quốc gia trên lãnh thổ tranh chấp (về dân sự, hình sự, hành chính) cho đến hoạt động xét xử các vi phạm diễn ra trên lãnh thổ tranh chấp, cũng như tình trạng cư dân sinh sống trên lãnh thổ tranh chấp...

Thứ tư, cần chú trọng nhân tố con người trong giải quyết tranh chấp quốc tế nói chung và phân định biên giới biển nói riêng. Thực tiễn các vụ việc nêu trên cho thấy, các quốc gia tranh chấp đã sử dụng một đội ngũ đông đảo các giáo sư pháp lý đến từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu danh tiếng trên thế giới và các chuyên gia pháp lý làm việc tại các cơ quan, ban, ngành của mỗi nước. Để có thể tham gia giải quyết tranh chấp tại ICJ và PCA nhằm bảo vệ hiệu quả chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc (với tư cách là nguyên đơn, hoặc bị đơn, hoặc bên thứ ba), nhất là đứng trước những thách thức xuất phát từ tình hình đang diễn ra trên Biển Đông, Việt Nam cần phải có chính sách sử dụng đội ngũ các chuyên gia luật quốc tế có kinh nghiệm và tâm huyết tại các viện nghiên cứu và trường đại học; đồng thời có chiến lược cụ thể đào tạo đội ngũ chuyên gia pháp lý quốc tế chuyên sâu đáp ứng được yêu cầu về tham gia giải quyết tranh chấp tại các thiết chế tài phán quốc tế.

7. Kết luận

UNCLOS 1982 được xem là bản hiến pháp mới về biển của cộng đồng quốc tế, là văn kiện pháp lý quốc tế tổng hợp, toàn diện về những nội dung quan trọng nhất trong luật pháp và thực tiễn quốc tế về biển và đại dương. Sau hơn 40 năm được chính thức ký kết, UNCLOS là khuôn khổ pháp lý đa phương hỗ trợ các quốc gia trong quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên biển cho sự phát triển bền vững; đồng thời, còn là công cụ hữu hiệu để các quốc gia giải quyết các tranh chấp trên biển, góp phần bảo vệ hòa bình và an ninh quốc tế. Đặc biệt, việc UNCLOS đưa ra các điều khoản bắt buộc giải quyết các tranh chấp trên biển là một bước tiến lớn của pháp luật quốc tế, phản ánh đúng xu thế của thời đại, thể hiện đúng ý nguyện của các quốc gia có biển và không có biển.

Tình hình tranh chấp trên biển trên phạm vi toàn cầu chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Các vụ việc giữa Peru và Chile, El Salvador và Honduras, Philippines và Trung Quốc là những ví dụ điển hình đáng tham khảo cho cộng đồng quốc tế và Việt Nam về việc giải quyết tranh chấp trên biển giữa các quốc gia láng giềng thông qua cơ quan tài phán quốc tế. Là thành viên của Liên hợp quốc, của UNCLOS cũng như tuyên bố của các bên về cách ứng xử trên Biển Đông (DOC), Việt Nam luôn tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế; kiên trì con đường giải quyết các tranh chấp nảy sinh bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau; thông qua đàm phán, thương lượng, nhằm tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của tất cả các bên liên quan vì độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, vì hòa bình, ổn định khu vực và quốc tế.

Chú thích:

(1) là nguyên tắc được áp dụng để xác định biên giới quốc gia, theo đó nếu không có thỏa thuận khác các quốc gia mới giành được độc lập tôn trọng và duy trì các đường phân chia ranh giới hành chính đã tồn tại trước đó.

Tài liệu tham khảo:

Agarwa, A. (2019). Sovereign State Territory. *Academike Article on Legal Issue*. Truy xuất từ <https://www.lawctopus.com/academike/sovereign-state-territory>, ngày 10/8/2022.

Evans, M. D., & Shaw, M. N. (1993). *Case Concerning The Land, Island And Maritime*

Frontier Dispute (El Salvador/Honduras: Nicaragua Intervening), Judgment of 11 September 1992. *International & Comparative Law Quarterly*, 42(4), 929-937.

International Court of Justice. *Judgement of International Court of Justice in Case Maritime Dispute between Peru v. Chile*. Truy xuất từ <https://www.icj-cij.org/case/137>, ngày 10/8/2022.

International Court of Justice. *Judgement of International Court of Justice in Case concerning the Land, Island and Maritime Frontier Dispute*. Truy xuất từ <http://www.icj-cij.org/files/case-related/75/075-19920911-JUD-01-00-EN.pdf>, ngày 10/8/2022.

Nguyễn Bá Diễn (2013). *Kinh nghiệm quốc tế về cơ chế giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.

Phạm Vũ Thắng (2013). Suy nghĩ về giải pháp pháp lý cho Việt Nam trước vụ kiện của Philippines. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, 2(29), 50-55.

United Nations. Division for Ocean Affairs, & the Law of the Sea. (2000). *Handbook on the Delimitation of Maritime Boundaries*. United Nations Publications.